# GDI: MỘT BIẾN THỂ CỦA HDI ĐO SỰ PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI BAO QUÁT ĐƯỢC TRẠNG THÁI BÌNH ĐẲNG GIỚI VỀ GIÁO DỤC, KINH TẾ, TUỔI THỌ

*Đặng Quốc Bảo**

## 1. Ý NGHĨA CỦA GDI

Sự ra đời của HDI là một bước tiến bộ lớn trong việc đo đạc sự phát triển của cộng đồng. Tuy nhiên, HDI chưa phản ánh được sự phát triển bao quát cả trạng thái bình đẳng giới của cộng đồng

Để khắc phục sự bất cập này, từ năm 1995, UNDP đã đưa ra chỉ số GDI (Gender Related Development Index), một biến thể của HDI.

Hiện nay trong các Báo cáo phát triển con người đều song hành HDI và GDI.

GDI điều chỉnh HDI, giúp cho việc nhận diện trạng thái phát triển con người của cộng đồng sâu sắc hơn, thực tế hơn, đi vào bản chất hơn vì đã bao quát cả chỉ số phát triển con người tính riêng cho từng giới (nam và nữ) và tính được chỉ báo phản ánh sự phân bổ bình đẳng giới của cộng đồng trong phát triển. Chỉ báo này sẽ là căn cứ giúp cho cộng đồng lập ra chính sách, kế hoạch phát triển kinh tế, giáo dục, quán triệt mục tiêu vì sự tiến bộ của phụ nữ hiện thực hơn.

Trên thế giới, phần lớn các nước đều có giá trị GDI thấp hơn HDI. Trong Báo cáo phát triển con người 2004 mới thấy có duy nhất Thuỵ Điển có GDI = HDI = 0,946.

Khi GDI = HDI, có nghĩa là nước có hai chỉ số này đã thực hiện được bình đẳng giới trong phát triển, còn khi GDI thấp hơn HDI chứng tỏ sự phát triển của nước đó đã có một khoảng cách nhất định trong việc thực hiện bình đẳng giới, nói một cách khác còn có sự bất bình đẳng giới trong phát triển.

Cách tính chỉ số GDI qua các bước tính HDI cho từng giới mà chúng tôi trình bày dưới đây sẽ khắc hoạ và minh chứng cụ thể cho quan điểm trên.

## 2. ĐO ĐẠC GDI

### 2.1. Tổng quát

Vì GDI là một biến thể của HDI nên đo đạc GDI đặt nền tảng của đo đạc HDI. Nó gồm các bước sau:

a/ Trước hết cần tính HDI cho từng giới nam và nữ của cộng đồng. Các ngưỡng về GDP và giáo dục cũng giống như tính HDI thông thường. Riêng tuổi thọ nữ có ngưỡng "87,5-27,5" và nam "82,5-22.5" (số trước là giá trị tối đa, số sau là giá trị tối thiểu).

b/ Tiếp theo lập tỷ số của tỷ lệ nữ trên HDI của nữ, tỷ số của tỷ lệ nam trên HDI của nam.

c/ Lấy tổng số của 2 tỷ số tính được ở bước b.

d/ Lấy nghịch đảo của kết quả đo đạc ở bước c.

Kết quả này là chỉ số biểu thị sự phân bổ bình đẳng giới của cộng đồng; cũng chính là giá trị GDI.

* PGS.TS., Trường Cán bộ quản lý giáo dục-đào tạo.

*2.2. Dữ liệu cần có*

| Giới / Dữ liệu | Nữ | Nam |
|---|---|---|
| Tỷ lệ trong dân số chung (%) | i | k |
| Tuổi thọ trung bình (năm) | $a_1$ | $a_2$ |
| Tỷ lệ biết chữ từ 15 tuổi (%) | $b_1$ | $b_2$ |
| Tỷ lệ đi học từ 6-24 tuổi (%) | $c_1$ | $c_2$ |
| GDP sức mua đầu người (USD) | $d_1$ | $d_2$ |

*2.3. Minh hoạ bước tính theo dữ liệu*

*a/ Tính HDI cho từng giới*[1]

| Tính HDI nữ | Tính HDI nam |
|---|---|
| Chỉ số tuổi thọ nữ: | Chỉ số tuổi thọ nam: |
| $T_{nữ} = (a_1 - 27,5)/ (87,5–27,5)$ | $T_{nam} = (a_2–22,5)/(87,5–22,5)$ |
| Chỉ số giáo dục nữ: | Chỉ số giáo dục nam: |
| $G_{nữ} = (2b_1 + c_1)/ 3$ | $G_{nam} = (2b_2–c_2) / 3$ |
| Chỉ số kinh tế nữ: | Chỉ số kinh tế nam |
| $K_{nữ} = (lgd_1 – lg100): lg\ 40000–lg100$ | $K_{nam} = (lgd–lg100)/lg40000–lg100$ |
| $HDI_{nữ} = (T_{nữ} + G_{nữ} + K_{nữ})/ 3$ | $HDI_{nam} = (T_{nam}+G_{nam}+K_{nam}) /3$ |

b/ Lập tỷ số của tỷ lệ dân số nữ trên HDI nữ: $i / HDI_{nữ}$

Tỷ số của tỷ lệ dân số nam trên HDI nam: $k / HDI_{nam}$

c/ Lấy tổng 2 tỷ số trên: $(i / HDI_{nữ} + k / HDI_{nam})$

d/ Lấy nghịch đảo của tổng tỷ số trên để có GDI

$GDI= [i / HDI_{nữ} + k / HDI_{nam}]^{-1}= 1/ [i / HDI_{nữ} + k / HDI_{nam}]$

## 3. PHÂN TÍCH TRƯỜNG HỢP CỦA THÁI LAN VÀ VIỆT NAM

(Số liệu lấy từ Báo cáo phát triển con người 2003)

| Nước | Việt Nam | | | Thái Lan | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Giới / Thông tin | Nữ | Nam | Chung | Nữ | Nam | Chung |
| Tuổi thọ trung bình (năm) | 71 | 66,3 | 68,6 | 73,2 | 64,9 | 68,9 |
| Tỷ lệ biết chữ người lớn từ 15 tuổi trở lên (%) | 90,9 | 94,5 | 92,7 | 94,1 | 97,3 | 95,7 |
| Tỷ lệ đi học trong độ tuổi 6-24 (%) | 61 | 67 | 64 | 69,3 | 74,6 | 72 |
| GDP sức mua đầu người USD | 1696 | 2447 | 2070 | 4875 | 7975 | 6400 |
| Tỷ lệ trong dân số chung (%) | 50,82 | 49,2 | 100 | 50,8 | 49,2 | 100 |

[1] Tính HDI cho từng giới như tính HDI chung, chỉ cần lưu ý ngưỡng về tuổi thọ được quy định theo đặc trưng của giới.

**GDI của Thái Lan**

a/ HDI nữ 0,756
HDI nam 0,778
HDI chung cho cả 2 giới: 0,768

b/ Tỷ số biểu thị tỷ lệ dân số nữ trên HDI nữ:
0,508 / 0,756 = 0,671
Tỷ số biểu thị tỷ lệ dân số nam trên HDI nam: 0,492/0,778 = 0,632

c/ Tổng của hai tỷ số tính ở phần b:
0,671 +0,632 = 1,303

d/ GDI = $(1,303)^{-1}$ = 1/1,303 = 0,707

**GDI của Việt Nam**

a/ HDI nữ: 0,668
HDI nam: 0,699
HDI chung cho cả 2 giới: 0,688

b/ Tỷ số biểu thị dân số nữ trên HDI nữ:
0,508 / 0,608 = 0,761
Tỷ số biểu thị tỷ lệ dân số nam trên HDI nam: 0,492 / 0,699 = 0,703

c/ Tổng của hai tỷ số tính ở phần b:
0,761 + 0,703 = 1,463

d/ GDI = $(1,463)^{-1}$ = 1/1,463 = 0,683

**So sánh Thái Lan và Việt Nam**

| | Thái Lan | Việt Nam | Thái Lan >Việt Nam ‰ |
|---|---|---|---|
| HDI chung | 0,768 | 0,688 | 80 |
| HDI nam | 0,778 | 0,699 | 79 |
| HDI nữ | 0,756 | 0,668 | 88 |
| GDI | 0,767 | 0,683 | 84 |

**Các chú thích**

***Chú thích 1***

Theo phương pháp tính đã nêu ra còn có thể tính chỉ số giáo dục, kinh tế và tuổi thọ phản ánh được sự bình đẳng giới.

Thí dụ: Báo cáo phát triển con người 2004 ghi nhận Việt Nam và Thái Lan có trạng thái sau về giáo dục.

| Nước | Việt Nam | | | Thái Lan | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Giới / Kết quả | Nữ | Nam | Chung | Nữ | Nam | Chung |
| Tỷ lệ trong dân số (%) | 50,82 | 49,18 | 100 | 50,8 | 49,2 | 100 |
| Biết chữ người lớn từ 15+ tuổi trong dân số tương ứng (%) | 86,9 | 93,9 | 90,3 | 90,5 | 94,9 | 92,6 |
| Đi học của cư dân 6-24 tuổi trong dân số tương ứng (%) | 61 | 67 | 64 | 72 | 74 | 73 |

**Tính cho Việt Nam**

Chỉ số giáo dục chung cho cư dân:
(2×0,903 + 0,64)/3 = 0,82
Chỉ số giáo dục chung cho nữ:
(2×0,869 + 0,61)/3 = 0,782
Chỉ số giáo dục chung cho nam:
(2×0,939 + 0,67)/3 = 0,849
Chỉ số giáo dục bao quát giới:
$[0,5082/0,782 + 0,4918/0,849]^{-1}$ = 0,81

*Nhận xét:* Chỉ số phát triển giáo dục của Việt Nam tính thông thường đạt 0,82; tuy nhiên khi tính có bao quát trạng thái bình đẳng giới thì kết quả giảm đi 1%, **chỉ còn 0,81.**

**Tính cho Thái Lan**

Chỉ số giáo dục chung cho cư dân:
(2×0,926 + 0,74)/3 = 0,86
Chỉ số giáo dục riêng của nữ:
(2×0,905 + 0,72)/3 = 0,843
Chỉ số giáo dục riêng của nam:
(2×0,949 + 0,74)/3 = 0,879
Chỉ số giáo dục bao quát giới:
$[0,508/0,843 + 0,492/0,879]^{-1}$ = 0,83

*Nhận xét:* Chỉ số phát triển giáo dục của Thái Lan tính thông thường đạt 0,86; tuy nhiên khi tính có bao quát trạng thái bình đẳng giới thì kết quả giảm đi 3%, **chỉ còn 0,83.**

**Tổng hợp so sánh Việt Nam và Thái Lan**

| Chỉ số / Nước | Chỉ số phát triển giáo dục chung | Chỉ số phát triển giáo dục cho nữ | Chỉ số phát triển giáo dục cho nam | Chỉ số phát triển giáo dục bao quát bình đẳng giới |
|---|---|---|---|---|
| Việt Nam | 0,82 | 0,782 | 0,849 | 0,81 |
| Thái Lan | 0,86 | 0,843 | 0,879 | 0,83 |

*Nhận xét:*

- Chỉ số giáo dục chung Việt Nam thấp hơn Thái Lan 4%;
- Chỉ số giáo dục nữ Việt Nam thấp hơn Thái Lan 6,1%;
- Chỉ số giáo dục nam Việt Nam thấp hơn Thái Lan 3%;
- Chỉ số giáo dục về giới Việt Nam thấp hơn Thái Lan 2%.

***Chú thích 2***

Có trường hợp không có số liệu sẵn về GDP đầu người cho nam và nữ mà chỉ có thông tin về khoảng cách thu nhập của nữ so với nam và GDP chung cho đầu người dân. Lúc đó phải thực hiện một bài toán phụ.

Gọi q là khoảng cách thu nhập của nữ so với nam

i là tỷ lệ nữ trong tổng dân số;

k là tỷ lệ nam trong tổng dân số;

p là GDP đầu người nói chung của dân

Lúc đó:

GDP đầu người của nữ (ký hiệu $d_1$) tính bằng công thức:

$$d_1 = \frac{pq}{(iq + k)} \quad \text{hay} \quad \frac{p}{iq(1-i)}$$

GDPđầu người của nam (ký hiệu $d_2$) tính bằng công thức:

$$d_2 = \frac{p}{(iq+k)} \quad \text{hay} \quad \frac{p}{iq(1-i)}$$

Minh hoạ cho tỉnh Quảng Bình theo Báo cáo phát triển con người Việt Nam 2001

q = 74,7%;

p = 876 pppUSD;

i = 50,6%;

k = 49,4%

$$d_1 = \frac{876.0,747}{(0,506.0,747 + 0,494)} = \frac{654,43}{0,872}$$

= 750,4 USD

$$d_2 = \frac{876}{(0,506.0,747 + 0,494)} = \frac{876}{0,872}$$

= 1004,6 USD

Điều đó có nghĩa là:

GDP đầu người nữ nam chung cho cư dân: 876 USD

GDP đầu người sức mua cho nam: 1004,6 USD

GDP đầu người sức mua cho nữ: 750,4 USD

**Tài liệu tham khảo**

1. Báo cáo phát triển con người 2003, 2004 do UNDP ấn hành.

2. Trung tâm KHXH và NV quốc gia. *Báo cáo phát triển con người 2001 của Việt Nam.*

3. Tư liệu của đề tài KX.05.05.